

Số: **131**/QĐ-ĐTĐL

Hà Nội, ngày **29** tháng **12** năm **2014**

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy trình phối hợp xác nhận các sự kiện phục vụ các khoản thanh toán trên thị trường điện

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐIỀU TIẾT ĐIỆN LỰC

Căn cứ Quyết định số 153/2008/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Điều tiết điện lực thuộc Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thị trường điện lực,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình phối hợp xác nhận các sự kiện phục vụ các khoản thanh toán trên thị trường điện hướng dẫn thực hiện Thông tư số 30/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 87/QĐ-ĐTĐL ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Cục Điều tiết điện lực ban hành Quy trình phối hợp xác nhận các sự kiện phục vụ các khoản thanh toán trên thị trường điện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục, các Trưởng phòng, Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu phát triển thị trường điện lực và Đào tạo thuộc Cục Điều tiết điện lực, Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Giám đốc đơn vị điện lực và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Cao Quốc Hưng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VP, PC, TTĐL.



Nguyễn Anh Tuấn

QUY TRÌNH

Phối hợp xác nhận các sự kiện phục vụ các khoản thanh toán trên thị trường điện

(Ban hành kèm theo Quyết định số 131 /QĐ-ĐTĐL
ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy trình này quy định nguyên tắc, phương pháp, trình tự và trách nhiệm của các đơn vị trong công tác phối hợp xác nhận các sự kiện phục vụ công tác tính toán thanh toán trong thị trường phát điện cạnh tranh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy trình này áp dụng đối với các đơn vị sau đây:

1. Đơn vị phát điện.
2. Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy trình này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bảng kê thanh toán* là bảng tính toán các khoản thanh toán cho nhà máy điện trực tiếp tham gia thị trường điện được Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện lập cho mỗi ngày giao dịch và cho mỗi chu kỳ thanh toán.

2. *Chu kỳ giao dịch* là khoảng thời gian 01 giờ tính từ phút đầu tiên của mỗi giờ.

3. *Chu kỳ thanh toán* là chu kỳ lập chứng từ, hoá đơn cho các khoản giao dịch trên thị trường điện trong khoảng thời gian 01 tháng, tính từ ngày 01 hàng tháng.

4. *Công suất điều độ* là mức công suất của tổ máy phát điện được Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện huy động thực tế trong chu kỳ giao dịch.

5. *Công suất huy động giờ tới* là mức công suất của tổ máy phát điện dự kiến được huy động cho giờ đầu tiên trong lịch huy động giờ tới.

6. *Công suất huy động ngày tới* là mức công suất của tổ máy phát điện dự kiến được huy động cho các chu kỳ giao dịch trong lịch huy động ngày tới theo kết quả lập lịch có ràng buộc.

7. *DCS (Distributed Control System)* là hệ thống các thiết bị điều khiển trong nhà máy điện hoặc trạm điện được kết nối mạng theo nguyên tắc điều khiển phân tán để tăng độ tin cậy và hạn chế các ảnh hưởng do sự cố phần tử điều khiển trong nhà máy điện hoặc trạm điện.

8. *DIM (Dispatch Information Management)* là hệ thống quản lý thông tin lệnh điều độ giữa cấp điều độ có quyền điều khiển với nhà máy điện.

9. *Đơn vị phát điện* là đơn vị sở hữu một hoặc nhiều nhà máy điện tham gia thị trường điện và ký hợp đồng mua bán điện cho các nhà máy điện này với Đơn vị mua buôn duy nhất.

10. *Giá biên miền trong lịch huy động giờ tới* là giá biên các miền Bắc, Trung, Nam công bố trong lịch huy động giờ tới của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

11. *Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện* là đơn vị chỉ huy điều khiển quá trình phát điện, truyền tải điện, phân phối điện trong hệ thống điện quốc gia, điều hành giao dịch thị trường điện.

12. *Giá sàn bản chào* là mức giá thấp nhất mà đơn vị chào giá được phép chào cho một tổ máy phát điện trong bản chào giá ngày tới.

13. *Hệ thống điện* là hệ thống các trang thiết bị phát điện, lưới điện và các trang thiết bị phụ trợ được liên kết với nhau.

14. *Hệ thống điện quốc gia* là hệ thống điện được chỉ huy thống nhất trong phạm vi cả nước.

15. *Hệ thống thông tin thị trường điện* là hệ thống các trang thiết bị và cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, trao đổi thông tin thị trường điện và hệ thống điện do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện quản lý.

16. *Lệnh điều độ* là lệnh chỉ huy, điều khiển chế độ vận hành hệ thống điện trong thời gian thực từ Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện thông qua hệ thống thông tin điều độ.

17. *Ngày D* là ngày giao dịch hiện tại.

18. *Ngày giao dịch* là ngày diễn ra các hoạt động giao dịch thị trường điện,

tính từ 00h00 đến 24h00 hàng ngày.

19. *Sản lượng hợp đồng giờ* là sản lượng điện năng được phân bổ cho từng chu kỳ giao dịch và được thanh toán theo hợp đồng mua bán điện dạng sai khác.

20. *Sự kiện thanh toán* là sự kiện được sử dụng để tính toán bảng kê thanh toán cho Đơn vị phát điện.

21. *Sự kiện tính toán* là sự kiện được Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện sử dụng để tính toán giá điện năng thị trường.

22. *Thông tư số 30/2014/TT-BCT* là Thông tư số 30/2014/TT-BCT ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh.

23. *Trang thông tin điện tử thị trường điện* là trang thông tin điện tử nội bộ có chức năng công bố thông tin vận hành hệ thống điện và thị trường điện nội bộ do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện quản trị và vận hành.

Chương II **NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH CÁC SỰ KIỆN**

Điều 4. Danh sách các sự kiện cần xác nhận

Danh sách các sự kiện cần xác nhận phục vụ tính toán thanh toán trong thị trường điện bao gồm:

1. Tổ máy phát hoặc nhận công suất phản kháng trong chế độ chạy bù đồng bộ.

2. Tổ máy nhiệt điện khởi động sau khi bị buộc phải ngừng trong trường hợp thừa công suất.

3. Tổ máy nhiệt điện than nhiều lò hơi khởi động sau khi bị buộc phải ngừng 01 lò hơi trong trường hợp thừa công suất.

4. Tổ máy bị ràng buộc phải phát giảm công suất hoặc ngừng máy do vi phạm giới hạn nhiệt lưới điện liên quan đến truyền tải trực tiếp công suất của nhà máy lên hệ thống mà nguyên nhân không do lỗi của nhà máy dẫn đến không đảm bảo sản lượng hợp đồng giờ.

5. Tổ máy bị ràng buộc phải phát giảm công suất hoặc ngừng máy do sửa chữa, bảo dưỡng đường dây trực tiếp nối nhà máy hoặc các đường dây liên quan dẫn đến phải cắt điện đường dây trực tiếp nối với nhà máy dẫn đến không đảm bảo sản lượng hợp đồng giờ.

6. Tổ máy thí nghiệm.

7. Nhà máy điện tua bin khí phải dừng máy và khởi động lại theo yêu cầu của hệ thống điện trong thời gian tổ máy khả dụng chu trình đơn, vận hành với nhiên liệu hỗn hợp hoặc không phải nhiên liệu chính.

8. Các tổ máy nhiệt điện tuabin khí có chung đuôi hơi có thời điểm vận hành chu trình đơn theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

9. Các tổ máy nhiệt điện tuabin khí có chung đuôi hơi vận hành với nhiên liệu hỗn hợp hoặc không phải nhiên liệu chính theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện để đảm bảo an ninh hệ thống điện.

10. Nhà máy điện tuabin khí tạm thời gián tiếp tham gia thị trường điện theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện để đảm bảo an ninh hệ thống điện.

11. Tổ máy phải phát trong thời điểm đã có kế hoạch ngừng máy được phê duyệt.

12. Tổ máy tách lưới phát độc lập.

13. Tổ máy đấu nối vào lưới mua điện từ nước ngoài.

14. Tổ máy nhiệt điện khởi động hoặc ngừng máy theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

15. Tổ máy thủy điện phải phát công suất lớn hơn công suất công bố trong bản chào giá ngày tới theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện vì lý do an toàn hệ thống điện.

16. Nhà máy thủy điện tham gia điều chỉnh tần số cấp một theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

17. Hồ chứa của nhà máy thủy điện vi phạm mức nước giới hạn tuần.

Điều 5. Nguyên tắc xác định sự kiện tổ máy phát hoặc nhận công suất phản kháng trong chế độ chạy bù đồng bộ

1. Đơn vị phát điện được xác định có tổ máy phát hoặc nhận công suất phản kháng trong chế độ chạy bù đồng bộ khi tổ máy vận hành trong chế độ bù đồng bộ theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

2. Các thông tin cần xác nhận gồm có:

a) Thời điểm bắt đầu sự kiện được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

- Thời điểm hoàn thành lệnh Chuyển bù để đưa tổ máy sang chế độ bù đồng bộ;

- Thời điểm Đơn vị phát điện thông báo đã chuyển bù thành công.

b) Thời điểm kết thúc sự kiện được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

- Thời điểm hoàn thành lệnh Chuyển phát để đưa tổ máy sang chế độ phát công suất hữu công, hoặc thời điểm hoàn thành lệnh Ngừng tổ máy;

- Thời điểm cắt máy cắt đầu cực hoặc máy cắt cao áp tổ máy (đối với tổ máy không có máy cắt đầu cực);

- Thời điểm Đơn vị phát điện đã chuyển phát thành công hoặc ngừng máy.

3. Dữ liệu phục vụ xác nhận sự kiện bao gồm:

a) Các thời điểm hoàn thành lệnh lấy theo dữ liệu từ hệ thống DIM của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện và Đơn vị phát điện;

b) Thời điểm Đơn vị phát điện thông báo chuyển bù, chuyển phát thành công hoặc ngừng máy lấy theo bản sao ghi âm công nghiệp hoặc bản sao sổ ghi chép ca do Đơn vị phát điện cung cấp;

c) Thời điểm cắt máy cắt lấy theo bản ghi DCS do Đơn vị phát điện cung cấp.

Điều 6. Nguyên tắc xác định tổ máy nhiệt điện khởi động sau khi bị buộc phải ngừng trong trường hợp thừa công suất

1. Đơn vị phát điện được xác định có tổ máy nhiệt điện khởi động sau khi bị buộc phải ngừng trong trường hợp thừa công suất khi có đủ các điều kiện sau:

a) Ngừng máy trước và tiến hành khởi động tiếp theo được thực hiện theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;

b) Tại chu kỳ ngừng máy, giá chào dài công suất đầu tiên trong bản chào lập lịch của tổ máy tại chu kỳ ngừng máy bằng giá sàn bản chào của tổ máy nhiệt điện;

c) Tại chu kỳ ngừng máy, giá biên miền tương ứng nhỏ hơn hoặc bằng giá sàn bản chào của tổ máy nhiệt điện.

2. Các thông tin cần xác nhận gồm có:

a) Thời điểm ngừng máy (bắt đầu, kết thúc) được xác định theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Quy trình này;

b) Thời điểm khởi động tổ máy (bắt đầu, kết thúc) được xác định theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Quy trình này;

Thời điểm tổ máy khởi động thực tế được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

- Thời điểm tổ máy nhận tín hiệu khởi động qua hệ thống điều khiển DCS;

- Thời điểm Đơn vị phát điện thông báo bắt đầu khởi động tổ máy.

c) Đối với các tổ máy tuabin khí:

- Nhiên liệu sử dụng để khởi động (nhiên liệu chính/không phải nhiên liệu chính);

- Cấu hình khởi động (chu trình đơn/hỗn hợp).

3. Dữ liệu phục vụ xác nhận sự kiện bao gồm:

a) Bản chào lập lịch ngày tới tổ máy lấy theo cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin thị trường điện;

b) Nhiên liệu sử dụng để khởi động, cấu hình khởi động (đối với các tổ máy tuabin khí) lấy theo bản ghi DCS do Đơn vị phát điện cung cấp;

c) Thời điểm tổ máy nhận tín hiệu khởi động tổ máy lấy theo bản ghi DCS do Đơn vị phát điện cung cấp;

d) Thời điểm Đơn vị phát điện thông báo bắt đầu khởi động tổ máy theo bản sao ghi âm công nghiệp hoặc bản sao sổ ghi chép ca do Đơn vị phát điện cung cấp;

đ) Các dữ liệu khác theo quy định tại Khoản 4 Điều 18 Quy trình này.

Điều 7. Nguyên tắc xác định tổ máy nhiệt điện than (nhiều lò hơi) khởi động lại 01 lò hơi sau khi bị buộc phải ngừng để giảm công suất trong trường hợp thừa công suất

1. Đơn vị phát điện được xác định có tổ máy nhiệt điện than khởi động 01 lò hơi sau khi bị buộc phải ngừng trong trường hợp thừa công suất khi có đủ các điều kiện sau:

a) Trường hợp ngừng 01 lò hơi trước đó và khởi động tiếp theo được thực hiện theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;

b) Tại chu kỳ ngừng 01 lò hơi, giá chào dài công suất đầu tiên trong bản chào lập lịch của tổ máy tại chu kỳ ngừng máy bằng giá sàn bản chào của tổ máy nhiệt điện;

c) Tại chu kỳ ngừng 01 lò hơi, giá biên miền tương ứng nhỏ hơn hoặc bằng giá sàn bản chào của tổ máy nhiệt điện.

2. Các thông tin cần xác nhận gồm có:

a) Thời điểm tổ máy ngừng lò;

b) Thời điểm tổ máy khởi động lò hơi thành công lần tiếp theo.

3. Dữ liệu phục vụ xác nhận sự kiện bao gồm:

a) Bản chào lập lịch ngày tới tổ máy lấy theo cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin thị trường điện;

b) Thời điểm tổ máy ngừng lò hơi trước đó và khởi động lò hơi tiếp theo lấy theo thứ tự ưu tiên sau:

- Dữ liệu từ hệ thống DIM của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện và Đơn vị phát điện;

- Dữ liệu từ bản sao ghi âm công nghiệp hoặc bản sao sổ ghi chép ca do Đơn vị phát điện cung cấp;

- Dữ liệu từ bản ghi DCS do Đơn vị phát điện cung cấp.

Điều 8. Nguyên tắc xác định sự kiện tổ máy bị ràng buộc phải phát giảm công suất hoặc ngừng máy do vi phạm giới hạn nhiệt lưới điện liên quan đến truyền tải trực tiếp công suất của nhà máy lên hệ thống mà nguyên nhân không do lỗi của nhà máy dẫn đến không đảm bảo sản lượng hợp đồng giờ

1. Đơn vị phát điện được xác định có tổ máy bị ràng buộc phải phát giảm công suất hoặc ngừng máy do vi phạm nhiệt lưới điện liên quan đến truyền tải trực tiếp công suất của nhà máy lên hệ thống mà nguyên nhân không do lỗi của nhà máy dẫn đến không đảm bảo sản lượng hợp đồng giờ trong một khoảng thời gian khi có đủ các điều kiện sau:

a) Có hiện tượng vi phạm giới hạn nhiệt lưới điện liên quan đến việc truyền tải trực tiếp công suất của nhà máy/tổ máy lên hệ thống;

b) Sản lượng đo đếm điện năng của nhà máy trong chu kỳ giao dịch thấp hơn sản lượng hợp đồng giờ trong chu kỳ giao dịch đó;

c) Sản lượng huy động theo lệnh điều độ tính tại đầu cực máy phát xác định cho chu kỳ giao dịch thấp hơn công suất của tổ máy được xếp trong lịch tính giá điện năng thị trường trong chu kỳ giao dịch đó.

2. Các thông tin cần xác nhận gồm có:

a) Chu kỳ bắt đầu sự kiện được xác định là chu kỳ bắt đầu xuất hiện các điều kiện được quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Chu kỳ kết thúc sự kiện được xác định là chu kỳ kết thúc của một trong các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này;

c) Trường hợp tổ máy phải ngừng máy trong khoảng thời gian kể từ thời điểm bắt đầu sự kiện cho đến thời điểm kết thúc sự kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, thông tin cần xác nhận thêm là những thông tin được quy định tại Khoản

2 Điều 6 Quy trình này.

3. Dữ liệu phục vụ xác nhận sự kiện bao gồm:

a) Thông tin vi phạm giới hạn nhiệt lưới lấy theo cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin thị trường điện;

b) Sản lượng đo đếm điện năng, sản lượng hợp đồng giờ, sản lượng huy động theo lệnh điều độ, công suất của tổ máy được xếp trong lịch tính giá điện năng thị trường lấy theo cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin thị trường điện;

c) Các dữ liệu khác theo quy định tại Khoản 4 Điều 18 Quy trình này.

Điều 9. Nguyên tắc xác định sự kiện tổ máy bị ràng buộc phải phát giảm công suất hoặc ngừng máy do sửa chữa, bảo dưỡng đường dây liên quan dẫn đến phải cắt điện đường dây trực tiếp nối với nhà máy dẫn đến không đảm bảo sản lượng hợp đồng giờ

1. Đơn vị phát điện được xác định có tổ máy bị ràng buộc phải phát giảm công suất hoặc ngừng máy do sửa chữa, bảo dưỡng đường dây liên quan dẫn đến phải cắt điện đường dây trực tiếp nối với nhà máy dẫn đến không đảm bảo sản lượng hợp đồng giờ trong một khoảng thời gian khi có đủ các điều kiện sau:

a) Có công tác sửa chữa, bảo dưỡng đường dây liên quan dẫn đến việc truyền tải trực tiếp công suất của nhà máy, tổ máy lên hệ thống;

b) Sản lượng đo đếm điện năng của nhà máy trong chu kỳ giao dịch thấp hơn sản lượng hợp đồng giờ trong chu kỳ giao dịch đó;

c) Sản lượng huy động theo lệnh điều độ tính tại đầu cực máy phát xác định cho chu kỳ giao dịch thấp hơn công suất của tổ máy được xếp trong lịch tính giá điện năng thị trường trong chu kỳ giao dịch đó.

2. Các thông tin cần xác nhận gồm có:

a) Chu kỳ bắt đầu sự kiện được xác định là chu kỳ bắt đầu xuất hiện các điều kiện được quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Chu kỳ kết thúc sự kiện được xác định là chu kỳ kết thúc một trong các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này;

c) Trường hợp tổ máy phải ngừng máy trong khoảng thời gian kể từ thời điểm bắt đầu sự kiện cho đến thời điểm kết thúc sự kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, thông tin cần xác nhận thêm là những thông tin được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Quy trình này.

3. Dữ liệu phục vụ xác nhận sự kiện bao gồm:

a) Thông tin công tác sửa chữa bảo dưỡng đường dây liên quan lấy theo phiếu đăng ký đã được phê duyệt hoặc các thông tin được ghi nhận tại Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;

b) Sản lượng đo đếm điện năng, sản lượng hợp đồng giờ, sản lượng huy động theo lệnh điều độ, công suất của tổ máy được xếp trong lịch tính giá điện năng thị trường lấy theo cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin thị trường điện;

c) Các dữ liệu khác theo quy định tại Khoản 4 Điều 18 Quy trình này.

Điều 10. Nguyên tắc xác định sự kiện tổ máy thí nghiệm

1. Đơn vị phát điện được xác định có tổ máy thí nghiệm khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tổ máy có thí nghiệm nối lưới đã được Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện phê duyệt theo hình thức Phiếu đăng ký công tác;

b) Tổ máy thực hiện thí nghiệm khi có sự đồng ý của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;

c) Tổ máy thực hiện thí nghiệm với khoảng thời gian, cấu hình tổ máy, loại nhiên liệu sử dụng, loại hình thí nghiệm phù hợp trong đăng ký đã được phê duyệt.

2. Các thông tin cần xác nhận gồm có:

a) Đối với các tổ máy tuabin khí:

- Thời điểm bắt đầu sự kiện được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Thời điểm đóng máy cắt đầu cực hoặc máy cắt cao áp tổ máy (đối với tổ máy không có máy cắt đầu cực);

+ Thời điểm Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện đồng ý cho phép tổ máy chuyển sang trạng thái thí nghiệm đối với tổ máy đang nối lưới;

+ Thời điểm hoàn thành lệnh Khởi động và hòa lưới tổ máy đối với các tổ máy đang ngừng.

- Thời điểm kết thúc sự kiện được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Thời điểm cắt máy cắt đầu cực hoặc máy cắt cao áp tổ máy thí nghiệm (đối với tổ máy không có máy cắt đầu cực);

+ Thời điểm hoàn thành lệnh Ngừng tổ máy hoặc lệnh Thay đổi công suất về 0;

+ Thời điểm Đơn vị phát điện thông báo kết thúc thí nghiệm đối với các tổ máy nối lưới.

- Nhiên liệu (nhiên liệu chính, không phải nhiên liệu chính, hỗn hợp) và cấu hình (chu trình đơn, hỗn hợp) thí nghiệm tương ứng;

- Thời điểm chuyển đổi nhiên liệu và cấu hình thí nghiệm theo quy định tại Điều 12 hoặc Điều 13 Quy trình này.

b) Đối với các tổ máy không phải là tổ máy tuabin khí:

- Thời điểm bắt đầu sự kiện được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Thời điểm Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện đồng ý cho phép tổ máy chuyển sang trạng thái thí nghiệm đối với tổ máy đang nối lưới;

+ Thời điểm hoàn thành lệnh Khởi động và hòa lưới tổ máy đối với các tổ máy đang ngừng;

+ Thời điểm đóng máy cắt đầu cực hoặc máy cắt cao áp tổ máy (đối với tổ máy không có máy cắt đầu cực);

+ Thời điểm kết thúc sự kiện được xác định theo thứ tự ưu tiên sau: Thời điểm cắt máy cắt đầu cực hoặc máy cắt cao áp tổ máy thí nghiệm (đối với tổ máy không có máy cắt đầu cực);

+ Thời điểm hoàn thành lệnh Ngừng tổ máy hoặc lệnh Thay đổi công suất về 0;

+ Thời điểm Đơn vị phát điện thông báo kết thúc thí nghiệm đối với các tổ máy nối lưới.

3. Dữ liệu phục vụ xác nhận sự kiện bao gồm:

a) Phiếu đăng ký công tác được Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện phê duyệt lấy theo cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin thị trường điện;

b) Các thời điểm bắt đầu, hoàn thành lệnh lấy theo dữ liệu từ hệ thống DIM của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện và Đơn vị phát điện;

c) Các thời điểm đóng, cắt máy cắt lấy theo bản ghi DCS do Đơn vị phát điện cung cấp;

d) Thời điểm Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện đồng ý cho phép thí nghiệm và thời điểm Đơn vị phát điện thông báo kết thúc thí nghiệm lấy theo bản sao ghi âm công nghiệp hoặc bản sao sổ ghi chép ca do Đơn vị phát điện cung cấp.

Điều 11. Nguyên tắc xác định sự kiện nhà máy điện tua bin khí phải dừng máy và khởi động lại theo yêu cầu của hệ thống điện trong thời gian tổ máy khả dụng chu trình đơn, vận hành với nhiên liệu hỗn hợp hoặc không

phải nhiên liệu chính

1. Đơn vị phát điện được xác định có nhà máy điện tua bin khí phải dừng máy và khởi động lại theo yêu cầu của hệ thống điện trong thời gian tổ máy khả dụng chu trình đơn, vận hành với nhiên liệu hỗn hợp hoặc không phải nhiên liệu chính khi có đủ các điều kiện sau:

a) Ngừng máy của tổ máy thực hiện theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;

b) Tổ máy khởi động theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện trong thời gian tổ máy này khả dụng chu trình đơn, vận hành với nhiên liệu hỗn hợp hoặc không phải nhiên liệu chính;

c) Tính từ thời điểm khởi động, tổ máy có Sự kiện vận hành chu trình đơn hoặc Sự kiện vận hành với nhiên liệu hỗn hợp hoặc không phải nhiên liệu chính đã được Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện xác nhận theo quy định tại Điều 12 hoặc Điều 13 Quy trình này.

2. Các thông tin cần xác nhận gồm có:

a) Thời điểm ngừng máy (bắt đầu, kết thúc) được xác định theo nguyên tắc quy định tại Khoản 2 Điều 18 Quy trình này;

b) Thời điểm tổ máy khởi động thực tế được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

- Thời điểm tổ máy khởi động qua hệ thống điều khiển DCS;

- Thời điểm Đơn vị phát điện thông báo bắt đầu khởi động tổ máy.

c) Thời điểm khởi động tổ máy (bắt đầu, kết thúc) được xác định theo nguyên tắc quy định tại Khoản 3 Điều 18 Quy trình này;

d) Nhiên liệu sử dụng để khởi động.

3. Dữ liệu phục vụ xác nhận sự kiện bao gồm:

a) Các thời điểm cắt máy cắt lấy theo bản ghi DCS do Đơn vị phát điện cung cấp;

b) Nhiên liệu sử dụng để khởi động, cấu hình khởi động lấy theo bản ghi DCS do Đơn vị phát điện cung cấp;

c) Thời điểm Đơn vị phát điện thông báo hòa lưới và hoàn thành quá trình khởi động tổ máy lấy theo bản sao ghi âm công nghiệp hoặc bản sao sổ ghi chép ca do Đơn vị phát điện cung cấp;

d) Các dữ liệu khác theo quy định tại Khoản 4 Điều 18 Quy trình này;

đ) Các sự kiện đã được xác nhận lấy theo cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin thị trường điện.

Điều 12. Nguyên tắc xác định sự kiện các tổ máy nhiệt điện tuabin khí có chung đuôi hơi có thời điểm vận hành chu trình đơn theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện

1. Đơn vị phát điện được xác định có sự kiện tổ máy nhiệt điện tuabin khí có chung đuôi hơi có thời điểm vận hành chu trình đơn theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện khi:

a) Tổ máy tuabin khí có một khoảng thời gian vận hành chu trình đơn theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện hoặc khi lò thu hồi nhiệt, tổ máy tuabin hơi bị sự cố nhưng Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện vẫn đồng ý cho vận hành chu trình đơn;

b) Việc xác nhận không được áp dụng cho khoảng thời gian vận hành chu trình đơn trong quá trình khởi động tổ máy và hòa lưới chu trình hỗn hợp hoặc quá trình ngừng máy từ chu trình hỗn hợp.

2. Các thông tin cần xác nhận gồm có:

a) Thời điểm bắt đầu sự kiện:

- Trường hợp tổ máy tuabin khí đang vận hành chu trình hỗn hợp, thời điểm bắt đầu sự kiện được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Thời điểm đóng hoàn toàn van cách ly của lò thu hồi nhiệt;

+ Thời điểm cắt máy cắt đầu cực hoặc máy cắt cao áp tổ máy tuabin hơi (đối với tổ máy không có máy cắt đầu cực);

+ Thời điểm hoàn thành lệnh Ngừng lò.

- Trường hợp tổ máy tuabin khí đang ngừng máy, thời điểm bắt đầu sự kiện được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Thời điểm đóng máy cắt đầu cực hoặc máy cắt cao áp tổ máy tuabin khí (đối với tổ máy không có máy cắt đầu cực);

+ Thời điểm hoàn thành lệnh Khởi động và hòa lưới tổ máy tuabin khí;

+ Thời điểm Đơn vị phát điện thông báo tổ máy đã hòa lưới.

b) Thời điểm kết thúc sự kiện:

- Trường hợp tổ máy tuabin khí chuyển từ vận hành chu trình đơn sang vận

hành chu trình hỗn hợp, thời điểm kết thúc sự kiện được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Thời điểm đóng máy cắt đầu cực hoặc máy cắt cao áp tổ máy tuabin hơi (đối với tổ máy không có máy cắt đầu cực);

+ Thời điểm đóng hoàn toàn các van xả (van bypass) và tín hiệu mở hoàn toàn các van cách ly lò thu hồi nhiệt;

+ Thời điểm hoàn thành lệnh Hòa hơi lò.

- Trường hợp tổ máy tuabin khí ngừng máy khi đang vận hành chu trình đơn, thời điểm kết thúc sự kiện được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Thời điểm cắt máy cắt đầu cực hoặc máy cắt cao áp tổ máy tuabin khí (đối với tổ máy không có máy cắt đầu cực);

+ Thời điểm hoàn thành lệnh Ngừng máy hoặc lệnh Thay đổi công suất về giá trị 0 (không).

c) Lý do vận hành chu trình đơn;

d) Các thời điểm chuyển đổi nhiên liệu (nếu có) được xác định theo nguyên tắc quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c và Điểm d Khoản 2 Điều 13 Quy trình này;

đ) Tỷ lệ % (phần trăm) vận hành không phải nhiên liệu chính (nếu có) được xác định theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 13 Quy trình này.

3. Dữ liệu phục vụ xác nhận sự kiện bao gồm:

a) Các thời điểm hoàn thành lệnh lấy theo dữ liệu từ hệ thống DIM của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện và Đơn vị phát điện;

b) Các thời điểm đóng, cắt máy cắt lấy theo bản ghi DCS do Đơn vị phát điện cung cấp;

c) Các thời điểm đóng, mở van xả (van bypass), van cách ly lò thu hồi nhiệt lấy theo bản ghi DCS do Đơn vị phát điện cung cấp;

d) Dữ liệu khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Quy trình này.

Điều 13. Nguyên tắc xác định sự kiện các tổ máy nhiệt điện tuabin khí có chung đuôi hơi vận hành với nhiên liệu hỗn hợp hoặc không phải nhiên liệu chính theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện để đảm bảo an ninh hệ thống

1. Đơn vị phát điện được xác định có sự kiện này khi tổ máy tuabin khí có

một khoảng thời gian vận hành với nhiên liệu hỗn hợp hoặc không phải nhiên liệu chính theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường.

2. Các thông tin cần xác nhận gồm có:

a) Thời điểm bắt đầu sự kiện:

- Trường hợp tổ máy tuabin khí chuyển sang vận hành với nhiên liệu hỗn hợp hoặc không phải nhiên liệu chính khi đang vận hành nhiên liệu chính, thời điểm bắt đầu sự kiện được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Thời điểm van dầu bắt đầu mở;

+ Thời điểm bắt đầu thực hiện lệnh Chuyển đổi nhiên liệu để chuyển từ nhiên liệu chính sang nhiên liệu hỗn hợp hoặc không phải nhiên liệu chính.

- Trường hợp tổ máy tuabin khí hòa lưới và vận hành với nhiên liệu hỗn hợp hoặc không phải nhiên liệu chính, thời điểm bắt đầu sự kiện được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Thời điểm đóng máy cắt đầu cực hoặc máy cắt cao áp tổ máy tuabin khí (đối với tổ máy không có máy cắt đầu cực);

+ Thời điểm hoàn thành lệnh Khởi động và hòa lưới tổ máy tuabin khí.

b) Thời điểm hoàn thành lệnh Chuyển đổi nhiên liệu sang nhiên liệu hỗn hợp hoặc không phải nhiên liệu chính;

c) Thời điểm bắt đầu lệnh Chuyển đổi nhiên liệu sang nhiên liệu chính;

d) Thời điểm kết thúc sự kiện:

- Trường hợp tổ máy tuabin khí chuyển sang vận hành nhiên liệu chính khi đang vận hành với nhiên liệu hỗn hợp hoặc không phải nhiên liệu chính, thời điểm kết thúc sự kiện được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Thời điểm van dầu đóng hoàn toàn;

+ Thời điểm hoàn thành lệnh Chuyển đổi nhiên liệu sang sử dụng hoàn toàn nhiên liệu chính.

- Trường hợp tổ máy tuabin khí ngừng máy khi đang vận hành với nhiên liệu hỗn hợp hoặc không phải nhiên liệu chính, thời điểm kết thúc sự kiện được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Thời điểm cắt máy cắt đầu cực hoặc máy cắt cao áp tổ máy tuabin khí (đối với tổ máy không có máy cắt đầu cực);

+ Thời điểm hoàn thành lệnh Ngừng máy hoặc lệnh Thay đổi công suất về

giá trị 0 (không).

đ) Tỷ lệ % (phần trăm) vận hành không phải nhiên liệu chính lấy theo tỉ lệ dầu chỉnh định;

e) Các thời điểm chuyển đổi cấu hình vận hành (nếu có) được xác định theo quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 2 Điều 12 Quy trình này.

3. Dữ liệu phục vụ xác nhận sự kiện bao gồm:

a) Thời điểm bắt đầu, hoàn thành lệnh lấy theo dữ liệu từ hệ thống DIM của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện và Đơn vị phát điện;

b) Thời điểm đóng, cắt máy cắt lấy theo bản ghi DCS do Đơn vị phát điện cung cấp;

c) Thời điểm đóng, mở van dầu lấy theo bản ghi DCS do Đơn vị phát điện cung cấp;

d) Tỷ lệ dầu chỉnh định lấy theo bản ghi DCS do Đơn vị phát điện cung cấp;

đ) Dữ liệu khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Quy trình này.

Điều 14. Nguyên tắc xác định sự kiện nhà máy tuabin khí tạm thời gián tiếp tham gia thị trường điện theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện

1. Đơn vị phát điện được xác định có sự kiện này khi nhà máy tuabin khí có khoảng thời gian tạm thời gián tiếp tham gia thị trường điện theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

2. Các thông tin cần xác nhận gồm có:

a) Thời điểm bắt đầu sự kiện;

b) Thời điểm kết thúc sự kiện.

3. Dữ liệu phục vụ xác nhận sự kiện bao gồm:

a) Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc tách Đơn vị phát điện tạm thời gián tiếp tham gia thị trường điện;

b) Thông báo của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện trên trang thông tin điện tử thị trường điện về việc tách Đơn vị phát điện tạm thời gián tiếp tham gia thị trường điện.

Điều 15. Nguyên tắc xác định sự kiện tổ máy phải phát trong thời điểm đã có kế hoạch ngừng máy được phê duyệt

1. Đơn vị phát điện được xác định có tổ máy phải phát trong thời điểm đã

có kế hoạch ngừng máy được phê duyệt khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tổ máy có kế hoạch ngừng máy đã được Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện phê duyệt đồng thời kế hoạch này đã được Đơn vị phát điện thể hiện thông qua bản chào giá ngày tới cho tổ máy (công suất tại dải chào cuối cùng trong bản chào bằng 0 (không));

b) Trong các chu kỳ đã có kế hoạch ngừng máy, tổ máy nối lưới và phát điện theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện (Sản lượng đo đếm điện năng và sản lượng huy động theo lệnh điều độ của tổ máy trong các chu kỳ đã có kế hoạch dừng máy lớn hơn 0 (không)).

2. Các thông tin cần xác nhận gồm có:

a) Chu kỳ bắt đầu sự kiện:

- Trường hợp tổ máy tiếp tục nối lưới và phát điện, chu kỳ bắt đầu sự kiện được xác định là chu kỳ tổ máy bắt đầu chào dải công suất cuối cùng bằng 0 (không) trong bản chào giá ngày tới;

- Trường hợp tổ máy đã ngừng máy và khởi động lên, chu kỳ bắt đầu sự kiện được xác định là chu kỳ có thời điểm hoàn thành lệnh Hòa lưới tổ máy hoặc thời điểm đóng máy cắt đầu cực hoặc máy cắt cao áp tổ máy (đối với tổ máy không có máy cắt đầu cực).

b) Chu kỳ kết thúc sự kiện là chu kỳ xuất hiện sớm nhất trong số các chu kỳ sau:

- Chu kỳ có thời điểm hoàn thành lệnh Ngừng máy hoặc lệnh Thay đổi công suất về giá trị 0 (không), hoặc chu kỳ có thời điểm cắt máy cắt đầu cực hoặc máy cắt cao áp tổ máy (đối với tổ máy không có máy cắt đầu cực);

- Chu kỳ liền trước chu kỳ tổ máy bắt đầu chào công suất khác 0 (không) trong bản chào ngày tới.

c) Trường hợp tổ máy đã ngừng máy và khởi động lên đồng thời chu kỳ kết thúc sự kiện được xác định là chu kỳ có thời điểm hoàn thành lệnh Ngừng máy hoặc lệnh Thay đổi công suất về giá trị 0 (không), hoặc chu kỳ có thời điểm cắt máy cắt đầu cực hoặc máy cắt cao áp tổ máy, thông tin cần xác nhận thêm là những thông tin được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Quy trình này.

3. Dữ liệu phục vụ xác nhận sự kiện bao gồm:

a) Thời điểm hoàn thành lệnh lấy theo dữ liệu từ hệ thống DIM của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện và Đơn vị phát điện;

b) Thời điểm cắt máy cắt lấy theo bản ghi DCS do Đơn vị phát điện cung cấp;

c) Bản chào ngày tới lấy theo cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin thị trường điện.

Điều 16. Nguyên tắc xác định sự kiện nhà máy điện tách lưới phát độc lập

1. Đơn vị phát điện được xác định có sự kiện này khi nhà máy phải thay đổi công suất để điều chỉnh tần số lưới trong khoảng thời gian lưới điện khu vực bị tách khỏi lưới điện Quốc gia.

2. Các thông tin cần xác nhận gồm có:

a) Thời điểm bắt đầu sự kiện được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

- Thời điểm Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện ghi nhận được theo các dữ liệu SCADA, Hotline về sự cố khu vực có nhà máy tách lưới phát độc lập;

- Thời điểm hệ thống điều chỉnh công suất tổ máy chuyển sang chế độ thay đổi công suất để điều chỉnh tần số lưới.

b) Thời điểm kết thúc sự kiện là thời điểm Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện thông báo lưới điện khu vực đã hòa được vào lưới điện Quốc gia hoặc thời điểm tổ máy nhận được lệnh phát cố định tại một mức công suất xác định theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

3. Dữ liệu phục vụ xác nhận sự kiện bao gồm:

a) Thời điểm Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện yêu cầu và thông báo cho Đơn vị phát điện lấy theo bản sao ghi âm công nghiệp hoặc bản sao ghi chép ca vận hành do Đơn vị phát điện cung cấp;

b) Thời điểm hệ thống điều tốc chuyển đổi chế độ làm việc lấy theo bản ghi DCS do Đơn vị phát điện cung cấp.

Điều 17. Nguyên tắc xác định sự kiện tổ máy đấu nối vào lưới mua điện từ nước ngoài

1. Đơn vị phát điện được xác định có sự kiện này khi tổ máy có khoảng thời gian đấu nối lưới mua điện nước ngoài theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện. Khoảng thời gian này được xác định từ thời điểm tổ máy tách khỏi lưới điện Quốc gia cho đến thời điểm tổ máy tách khỏi lưới điện mua điện nước ngoài.

2. Các thông tin cần xác nhận gồm có:

a) Thời điểm bắt đầu sự kiện được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

- Thời điểm hoàn thành lệnh Ngừng tổ máy hoặc lệnh Thay đổi công suất về giá trị 0 (không) với lý do chuyển sang nối lưới mua điện từ nước ngoài;

- Thời điểm cắt máy cắt đầu cực hoặc máy cắt cao áp tổ máy (đối với tổ máy không có máy cắt đầu cực) để tách khỏi lưới điện Quốc gia với lý do chuyển sang nối lưới mua điện từ nước ngoài.

b) Thời điểm kết thúc sự kiện được xác định theo thứ tự ưu tiên sau :

- Thời điểm hoàn thành lệnh Ngừng tổ máy hoặc lệnh Thay đổi công suất về giá trị 0 (không) với lý do chuyển sang nối lưới điện Quốc gia;

- Thời điểm cắt máy cắt đầu cực hoặc máy cắt cao áp tổ máy (đối với tổ máy không có máy cắt đầu cực) để tách khỏi lưới điện mua điện nước ngoài với lý do chuyển sang nối lưới điện Quốc gia.

3. Dữ liệu phục vụ xác nhận sự kiện bao gồm:

a) Các thời điểm hoàn thành lệnh lấy theo dữ liệu từ hệ thống DIM của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện và Đơn vị phát điện;

b) Các thời điểm cắt máy cắt lấy theo bản ghi DCS do Đơn vị phát điện cung cấp.

Điều 18. Nguyên tắc xác định sự kiện tổ máy nhiệt điện khởi động hoặc ngừng máy theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện

1. Đơn vị phát điện được xác định có sự kiện này khi:

a) Tổ máy khởi động, ngừng máy theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;

b) Việc xác nhận không được áp dụng cho tổ máy bị ngừng máy do sự cố.

2. Các thông tin cần xác nhận cho sự kiện ngừng máy gồm có:

a) Thời điểm bắt đầu ngừng máy là thời điểm bắt đầu thực hiện lệnh Ngừng máy hoặc lệnh Thay đổi công suất về giá trị 0 (không) hoặc thời điểm Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện ra lệnh ngừng máy.

b) Thời điểm hoàn thành ngừng máy được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

- Thời điểm hoàn thành lệnh Ngừng máy hoặc lệnh Thay đổi công suất về giá trị 0 (không);

- Thời điểm cắt máy cắt đầu cực hoặc máy cắt cao áp tổ máy (đối với tổ máy không có máy cắt đầu cực);

- Thời điểm Đơn vị phát điện thông báo tổ máy đã tách lưới.

3. Các thông tin cần xác nhận cho sự kiện khởi động gồm có:

a) Thời điểm bắt đầu khởi động được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

- Thời điểm hoàn thành lệnh Hòa lưới tổ máy;

- Thời điểm đóng máy cắt đầu cực hoặc máy cắt cao áp tổ máy (đối với tổ máy không có máy cắt đầu cực);

- Thời điểm Đơn vị phát điện thông báo tổ máy đã hòa lưới thành công.

b) Thời điểm hoàn thành khởi động được xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

- Thời điểm tổ máy đạt công suất theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;

- Thời điểm tổ máy đạt công suất phát ổn định thấp nhất;

- Thời điểm Đơn vị phát điện thông báo tổ máy đã đạt công suất phát ổn định thấp nhất hoặc công suất theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

4. Dữ liệu phục vụ xác nhận sự kiện bao gồm:

a) Thời điểm bắt đầu, hoàn thành lệnh, thời điểm tổ máy đạt công suất theo yêu cầu lấy theo dữ liệu từ hệ thống DIM của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện và Đơn vị phát điện;

b) Thời điểm đóng, cắt máy cắt lấy theo bản ghi DCS do Đơn vị phát điện cung cấp;

c) Thời điểm tổ máy đạt công suất phát ổn định thấp nhất lấy theo bản ghi DCS do Đơn vị phát điện cung cấp;

d) Công suất phát ổn định thấp nhất lấy theo Hồ sơ đăng ký tham gia thị trường điện của Đơn vị phát điện.

Điều 19. Nguyên tắc xác định sự kiện tổ máy thủy điện phải phát công suất lớn hơn công suất công bố trong bản chào ngày tới theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện

1. Đơn vị phát điện được xác định có sự kiện này khi nhà máy thủy điện có khoảng thời gian phát công suất lớn hơn công suất công bố trong bản chào ngày tới theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

2. Các thông tin cần xác nhận gồm có:

a) Thời điểm bắt đầu sự kiện là thời điểm hoàn thành lệnh phát công suất lớn hơn công suất công bố trong bản chào ngày tới;

b) Thời điểm kết thúc sự kiện là:

- Thời điểm Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện ra lệnh kết thúc phát công suất lớn hơn công suất công bố trong bản chào ngày tới;

- Thời điểm bắt đầu thực hiện lệnh Thay đổi công suất về một mức mang tải cố định nhỏ hơn hoặc bằng công suất công bố trong bản chào ngày tới.

3. Dữ liệu phục vụ xác nhận sự kiện bao gồm:

a) Bản chào ngày tới của Đơn vị phát điện lấy theo cơ sở dữ liệu vận hành thị trường điện;

b) Thời điểm bắt đầu, hoàn thành lệnh, công suất lệnh lấy theo dữ liệu từ hệ thống DIM của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện và Đơn vị phát điện;

c) Thời điểm Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện ra lệnh kết thúc phát công suất lớn hơn công suất công bố trong bản chào ngày tới lấy theo bản sao ghi âm công nghiệp hoặc bản sao ghi chép ca vận hành do Đơn vị phát điện cung cấp.

Điều 20. Nguyên tắc xác định sự kiện nhà máy điện đảm nhận chức năng điều tần cấp một theo chỉ định của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện

1. Đơn vị phát điện được xác định có sự kiện này khi nhà máy có khoảng thời gian đảm nhận chức năng điều tần cấp một theo yêu cầu của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

2. Các thông tin cần xác nhận gồm có:

a) Thời điểm bắt đầu sự kiện là thời điểm hoàn thành lệnh Điều tần hoặc thời điểm Đơn vị phát điện thông báo đã chuyển nhà máy sang chế độ Điều tần;

b) Thời điểm kết thúc sự kiện là:

- Thời điểm hoàn thành lệnh Thay đổi công suất về một mức mang tải cố định;

- Thời điểm Đơn vị phát điện thông báo các tổ máy đã phát cố định tại mức công suất xác định.

3. Dữ liệu phục vụ xác nhận sự kiện bao gồm:

a) Các thời điểm bắt đầu, hoàn thành lệnh lấy theo dữ liệu từ hệ thống DIM của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện và Đơn vị phát điện;

b) Thời điểm Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện ra lệnh kết thúc điều tần lấy theo bản sao ghi âm công nghiệp hoặc bản sao ghi chép ca vận hành do Đơn vị phát điện cung cấp.

Điều 21. Nguyên tắc xác định sự kiện hồ chứa của nhà máy thủy điện vi phạm mực nước giới hạn tuần

1. Đơn vị phát điện được xác định có sự kiện này từ khi mực nước hồ chứa phía thượng lưu của nhà máy có 02 tuần liên tiếp thấp hơn mực nước giới hạn tuần cho đến khi nhà máy đảm bảo được không vi phạm mực nước giới hạn tuần do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện công bố.

Từ thứ Ba của tuần thứ hai, nhà máy điện có 01 ngày bất kỳ có giá chào ứng với các dải công suất không phải chào giá để đảm bảo yêu cầu cấp nước hạ du hoặc cấp điện cho phụ tải địa phương nhỏ hơn giá trần bản chào của nhà máy đó, nhà máy sẽ bị xác định lý do vi phạm là hoàn toàn do việc huy động trên cơ sở bản chào giá của nhà máy.

2. Các thông tin cần xác nhận gồm có:

a) Thời điểm bắt đầu sự kiện là thời điểm sau khi mực nước thượng lưu hồ của nhà máy có 02 tuần liên tiếp nhỏ hơn mực nước giới hạn tuần theo công bố của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;

b) Thời điểm kết thúc sự kiện là thời điểm sau khi nhà máy đảm bảo được không vi phạm mực nước giới hạn tuần theo công bố của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện;

c) Lý do vi phạm.

3. Dữ liệu phục vụ xác nhận sự kiện bao gồm:

a) Mực nước giới hạn tuần lấy theo cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin thị trường điện;

b) Bản chào lập lịch lấy theo cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin thị trường điện.

Chương III

TRÌNH TỰ XÁC NHẬN CÁC SỰ KIỆN TRONG THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

Điều 22. Trình tự thực hiện xác nhận sự kiện ngày D

1. Quy định chung

Quá trình xác nhận sự kiện ngày D phục vụ các khoản thanh toán trên thị trường điện được thực hiện theo trình tự sau:

- a) Xác định các Sự kiện tính toán;
- b) Xác nhận các Sự kiện thanh toán.

2. Trình tự xác định các Sự kiện tính toán

a) Trước 10h00 ngày D+1, Đơn vị phát điện có trách nhiệm công bố lên Trang thông tin điện tử thị trường điện:

- Các sự kiện phục vụ các khoản thanh toán trên thị trường điện ngày D của đơn vị mình (nếu có);

- Các dữ liệu phục vụ việc xác nhận các sự kiện này.

b) Trước 15h00 ngày D+1, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện và Đơn vị phát điện có trách nhiệm phối hợp xác nhận những sự kiện đã được công bố trên trang Thông tin điện tử thị trường điện căn cứ vào:

- Các dữ liệu do Đơn vị phát điện cung cấp;
- Các dữ liệu do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện thu thập;
- Nguyên tắc xác nhận sự kiện theo quy định tại Chương II Quy trình này.

Sự kiện được Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện xác nhận được sử dụng làm Sự kiện tính toán.

c) Trường hợp Đơn vị phát điện không công bố sự kiện theo khung thời gian quy định tại Điểm a Khoản này, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm xác định và công bố Sự kiện tính toán cho đơn vị đó căn cứ vào:

- Các dữ liệu do Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện thu thập;
- Nguyên tắc xác nhận sự kiện quy định tại Chương II Quy trình này.

d) Trường hợp Đơn vị phát điện đã công bố sự kiện theo khung thời gian quy định tại Điểm a Khoản này nhưng chưa thống nhất được với Đơn vị vận hành hệ thống điện sự kiện này theo khung thời gian quy định tại Điểm b Khoản này, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện có trách nhiệm xác định Sự kiện tính toán cho đơn vị đó căn cứ vào ghi nhận của Đơn vị vận hành hệ thống điện.

3. Trình tự xác nhận các Sự kiện thanh toán

a) Trường hợp Sự kiện tính toán được xác định theo quy định tại Điểm b

Khoản 2 Điều này, Sự kiện tính toán sẽ được sử dụng làm Sự kiện thanh toán;

b) Trường hợp Sự kiện tính toán được xác định theo quy định tại Điểm c) Khoản 2 Điều này:

- Trước ngày D+4, Đơn vị phát điện có trách nhiệm công bố ý kiến phản hồi đối với Sự kiện tính toán được Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện công bố trên Trang thông tin điện tử thị trường điện;

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi Đơn vị phát điện công bố ý kiến phản hồi đối với một Sự kiện tính toán, Đơn vị phát điện có trách nhiệm phối hợp với Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện thống nhất sự kiện đó;

- Sự kiện được Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện thống nhất sẽ được sử dụng làm Sự kiện thanh toán;

- Trường hợp Đơn vị phát điện không công bố ý kiến phản hồi theo khung thời gian quy định tại Điểm này, Sự kiện tính toán sẽ được sử dụng làm Sự kiện thanh toán;

- Trường hợp ý kiến phản hồi của Đơn vị phát điện không được Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện thống nhất theo khung thời gian quy định tại Điểm này, Sự kiện thanh toán sẽ tạm xác định căn cứ vào ghi nhận của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện.

c) Trường hợp Sự kiện tính toán được xác định theo quy định tại Điểm d) Khoản 2 Điều này:

- Trước ngày D+6, Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện và Đơn vị phát điện có trách nhiệm tiếp tục phối hợp xác nhận sự kiện này;

- Sự kiện được Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện xác nhận sẽ được sử dụng làm Sự kiện thanh toán;

- Trường hợp Đơn vị phát điện không thống nhất được với Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện sự kiện theo khung thời gian quy định tại Điểm này, Sự kiện thanh toán được xác định căn cứ vào ghi nhận của Đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện./.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Anh Tuấn

Phụ lục 1
DANH SÁCH CÁC LỆNH TỪ HỆ THỐNG DIM
PHỤC VỤ XÁC NHẬN SỰ KIỆN

*(Ban hành kèm theo Quy trình phối hợp xác nhận các sự kiện phục vụ
thanh toán trong thị trường điện)*

STT	Tên lệnh
1	Lệnh Chuyển bù
2	Lệnh Chuyển đổi nhiên liệu
3	Lệnh Chuyển phát
4	Lệnh Điều tần
5	Lệnh Hòa hơi lò
6	Lệnh Khởi động và hòa lưới
7	Lệnh Ngừng lò
8	Lệnh Ngừng tổ máy
9	Lệnh Thay đổi công suất

Phụ lục 2

TRÌNH TỰ XÁC NHẬN CÁC SỰ KIỆN TRONG THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

(Ban hành kèm theo Quy trình phối hợp xác nhận các sự kiện phục vụ thanh toán trong thị trường điện)

